CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG TRONG TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC, CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN QUẢNG NGÃI

PHAN NGỌC LIÊN*

Những dấu tích về các nền văn hoá thời đại đồ đá cũ, thời kỳ đồng thau và đồ sắt sớm ở nhiều nơi trong tỉnh chứng tỏ rằng, Quảng Ngãi là vùng đất có cư dân sinh sống từ lâu đời.

Truyền thống dân tộc, được hình thành và phát triển trong quá trình dựng nước và giữ nước, thể hiện ở đồng bào Quảng Ngãi cũng mang những nét đặt thù địa phương, làm cho truyền thống chung thêm đa dạng và phong phú. Người ta thường nói đến "dân Quảng Ngãi hay co" để chỉ tinh thần cần cù thông minh, sáng tạo trong lao động sản xuất và ý chí chiến đấu bất khuất, anh dũng trong đấu tranh chống áp bức xã hội và chống ngoại xâm để bảo vệ Tổ quốc, giải phóng dân tộc. Không phải theo thuyết duy vật địa lý để khẳng định hoàn cảnh tự nhiên quyết định tính chất, tâm lý con người, song cũng không thể phủ nhận yếu tố địa lý, điều kiện xã hội có tác động, ảnh hưởng đến tinh thần, lối sống của người dân địa phương.

Quảng Ngãi là vùng đất hẹp ở "khúc ruột miền Trung", nằm kẹp giữa biển Đông và miền Tây Nguyên, khí hậu khắc nghiệt với nắng hạn, lũ lụt. Điều kiện tự nhiên không mấy ưu đãi khiến cho người dân muốn tồn tại và phát triển phải lao động cần mẫn. Họ phải đào giếng sâu, dùng cần vọt kéo từng gầu nước, hay tát nước qua chín bậc đổ vào ruộng. Chính trong lao động gian khổ ấy, những sáng tạo được nảy sinh, thể hiện ở những bồ xe nước 9-10 bánh, ở những sản phẩm đường nổi tiếng từ thời Đàng Trong đến nay. Gian khổ lao động để có miếng cơm, manh áo, người dân Quảng Ngãi biết chắt chiu, tằn tiện trong cuộc sống và quyết bảo vệ những thành phẩm lao động của mình đã đổ mồ hôi và máu để gặt hái được.

Quảng Ngãi lại nằm ở vị trí chiến lược quan trọng của đất nước. Các thế kỷ XV, XVI là thời kỳ mà vùng đất và cư dân Quảng Ngãi ngày nay được dần dần ổn định, hình thành từng bước ý thức, tâm lý, tập quán, tính cách và xác lập mối giao lưu văn hoá ở khu vực trong sự phát triển chung của dân tộc. Ở vào thời điểm lịch sử này vùng đất Quảng Ngãi là cầu nối giữa hai miền Nam, Bắc của đất nước. Người Việt đã từ Quảng Ngãi, nằm trong vùng Ngũ Quảng, tiến vào Nam cùng nhân dân bản địa khai phá đất hoang, mở mang bờ

* GS. TS. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

cõi thành một lãnh thổ hoàn chỉnh, thống nhất như ngày nay.

Điều kiện tự nhiên, lịch sử - xã hội như vậy đã rèn đúc những con người Quảng Ngãi "hay co". Ngoài sức lao động, tinh thần chiến đấu bảo vệ quê hương, đất nước của người dân Quảng Ngãi được thể hiện rất rõ qua các thời đại. Sử cũ còn ghi: Năm 1695, cuộc khởi nghĩa của nông dân Quảng Ngãi, do một người tên là Linh chỉ huy nổ ra mạnh mẽ (1). Tiếp đó, vào thế kỷ XVIII, cuộc đấu tranh của người Chăm roi ở miền núi cũng nổ ra dữ dội (2). Truyền thống chống áp bức, yêu nước của dân tộc được thể hiện trong cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, trong phong trào đấu tranh của các dân tộc vùng Thạch Bích (Đá Vách), trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đô hộ, trong Cách mạng Tháng Tám 1945 và trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Một điểm nổi bật trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ đất nước của nhân dân Quảng Ngãi từ thời kỳ Cần Vương đến kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là phong trào đấu tranh liên tiếp nổ ra, dường như không dứt. Trong những thời điểm nhất định, nhiều sự kiện lớn diễn ra sớm. Người võ tướng chiến đấu, hy sinh đầu tiên trong cuộc chiến đấu bảo vệ thành Gia Định chống Pháp 1859 là Võ Duy Ninh. Người anh hùng chỉ huy cuộc khởi nghĩa chống Pháp đầu tiên ở Nam Kỳ là Trương Định. Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và việc thành lập chính quyền cách mạng và đội du kích Ba Tơ diễn ra ngay sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945). Cách mạng Tháng Tám 1945 cũng sớm nổ ra ở Quảng Ngãi vào ngày 14-9, khi Nhật vừa tuyên bố đầu hàng Đồng minh. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi cũng diễn ra ngay khi Nghị quyết 15 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá II vừa được phổ biến đến cán bộ Khu V (tháng 5-1959).

Tất cả những sự kiện nêu trên chỉ có thể giải thích bằng truyền thống yêu nước, cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi trong truyền thống chung của dân tộc, bằng sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng, trực tiếp là Đảng bộ Quảng Ngãi. Có thể nói truyền thống yêu nước, cách mạng của địa phương kết hợp chặt chẽ với sự lãnh đạo của Đảng đã tạo nên sức mạnh đấu tranh, làm bùng nổ các cuộc khởi nghĩa lớn, sớm, kịp thời, đúng thời cơ.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng (28-8-1959) nổ ra ở vùng căn cứ cách mạng mà ngay từ năm 1955, Hội nghị Tỉnh uỷ đã quyết định lấy nơi đây làm trung tâm căn cứ của tỉnh (3). Điều này không phải vì Trà Bồng là nơi rừng núi hiểm trở mà chủ yếu vì nhân dân giầu lòng yêu nước, hết mực trung thành với cách mạng, tin yêu Đảng, Bác Hồ. "Địa lợi" kết hợp với "nhân hoà" để khi có "thiên thời" thì cuộc khởi nghĩa nổ ra, yếu tố "nhân hoà" là yếu tố quan trọng bậc nhất. "Nhân hoà" ở đây là truyền thống yêu nước tinh thần cách mạng.

Trong "Phong trào Đá Vách", Trà Bồng là một cứ điểm mà quan quân nhà Nguyễn phải hoảng sợ. Cuộc đấu tranh của dân tộc Cor, Hrê ở vùng Đá Vách chỉ đâu nổ ra vào khoảng giữa thế kỷ XVIII được Nguyễn Cư Trinh, Tuần phủ Quảng Ngãi mô tả trong "Truyện Sãi Vải":

"Những sợ nhiều quân Đá Vách

Tưởng thôi lạc phách, nhớ đến kinh hồn" (4).

Nó còn kéo dài trọng nửa đầu thế kỷ XIX dưới thời các vua Nguyễn và tồn tại trong thời kỳ Pháp đô hộ. Trong phong trào

"Nước Xu" của các dân tộc Tây Nguyên chống Pháp (1935 - 1939), đồng bào Cor ở Trà Bồng và Trà Mi (Quảng Nam) đã hưởng ứng lời kêu gọi của Săm Brăm - người lãnh đạo phong trào - đứng dậy đấu tranh. Lợi dụng vùng núi hiểm trở, nhân dân lập làng chiến đấu, gài bẫy, đặt chông khắp các nẻo đường, bảo vệ vùng đất tự do của mình. Các thủ lĩnh nghĩa quân, như cụ Phó Mục Gia, ông Tài, ông Chân, ông Vinh, ông Tựu, ông Triều... là những "cà rá" (tù trưởng, già làng, chủ làng) dũng cảm, đầy mưu trí trong phong trào "Nước Xu".

Truyền thống đấu tranh của đồng bào Cor ở Trà Bồng cũng như các dân tộc anh em ở miền Tây Quảng Ngãi đã đưa họ đến với Đảng, giúp đỡ cách mạng hoạt động bí mật, vùng lên đấu tranh trong Cách mạng Tháng Tám 1945, giữ vững quê hương, đóng góp mọi mặt trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, giữ vững vùng tự do tỉnh nhà. Vì vậy, nhân dân Trà Bồng, miền Tây Quảng Ngãi cũng như đồng bào cả tỉnh, cả miền Nam không chịu nhận "sự quản lý của đối phương" khi mà cán bộ, bộ đội cụ Hồ, trong đó có con em họ tập kết ra Bắc. Tuy nhiên tin theo lời của Đảng, của Bác Hồ họ chờ đợi 2 năm sau sẽ có hiệp thương, tổng tuyển cử, thống nhất nước nhà. Song Mỹ - nguỵ đã phá bỏ Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương, gieo tang tóc trên quê hương Quảng Ngãi, trên khắp miền Nam. Một lần nữa, Trà Bồng trở thành căn cứ cách mạng của tỉnh nhà, của Khu V. Cơ quan Tỉnh uỷ ngay từ 1955 đã chuyển lên vùng phía Nam Trà Bồng và Bắc Sơn Hà. Lòng dân Trà Bồng và đồng bào miền Tây Quảng Ngãi là thành luỹ che chở cho cách mạng tồn tại và phát triển.

Hội nghị Tỉnh uỷ Quảng Ngãi ở núi Ông Tơ tại chân núi Cà Đam, xã Trà Bùi (Trà Bồng) ngày 25-10-1955 đã quyết định: "Phát động toàn dân đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ, đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ đòi cứu đói khẩn cấp cho đồng bào miền núi; Củng cố các tổ chức quần chúng bí mật, xây dựng chi bộ bí mật, cơ quan bí mật, phục hồi và phát triển các tổ chức biến tướng hợp pháp, đẩy mạnh công tác binh địch vận, lợi dụng các đảng phái chống Diệm để hạn chế các hành động chống phá cách mạng của chúng".

Hội nghị cũng quyết định "lấy các xã người Cor ở phía Nam huyện Trà Bồng như Trà Xinh, Trà Thọ, Trà Trung, Trà Tây, Trà Bùi, Trà Tân, Trà Nham, Trà Lãnh làm trung tâm căn cứ của tỉnh" (5).

Như vậy, Tỉnh uỷ Quảng Ngãi đã thực hiện nghiêm chỉnh chỉ thị của Bộ Chính trị ngày 6 tháng 9 năm 1954 về tình hình mới và nhiệm vụ công tác mới của miền Nam. Đó là "Chuyển hướng công tác cho thích hợp với điều kiện hoà bình: Học tập, nhiệm vụ, phương châm, chính sách mới của Trung ương; Sắp xếp cán bộ, bố trí lực lượng; Đảm bảo vừa che giấu được lực lượng vừa lợi dụng được những khả năng thuận lợi mới mà hoạt động để thực hiện chủ trương chính sách và khẩu hiệu mới của Đảng" (6).

Xây dựng cơ sở cách mạng ở vùng đồng bào dân tộc ít người, Đảng bộ cũng đã làm tốt công tác vận động quần chúng mà chỉ thị của Bộ Chính trị đã chỉ rõ:

- *"Cần chú trọng vận động đồng bào thiểu số*

- *Thi hành những chính sách dân tộc đối với đồng bào thiểu số, chống tư tưởng dân tộc đàn anh.*

- *Chú ý đào tạo cán bộ người thiểu số*

- *Vùng Tây Nguyên Liên khu V cần được đặc biệt chú ý"* (7).

Thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị, Tỉnh uỷ đã ra sức lãnh đạo quần chúng trong tỉnh nói chung, các huyện miền núi nói riêng đấu tranh chống địch khủng bố, đàn áp, đòi quyền dân sinh, dân chủ. Nhân dân các huyện trung châu chống việc "cải cách điền địa" của Mỹ - Diệm để giữ nguyên canh, không ký bản "Khế ước lãnh canh" của địa chủ. Ở các huyện miền núi, đồng bào đấu tranh không cho địch lấy lại ruộng đất mà chính quyền cách mạng đã chia cho dân nghèo thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Trong lúc địch tập trung đánh phá cơ sở cách mạng ở đồng bằng thì các huyện miền núi của tỉnh, phong trào đấu tranh vẫn được duy trì và từ đấu tranh chính trị tiến lên kết hợp hình thức vũ trang tự vệ thích hợp. Ở Trà Bồng cũng như các huyện miền núi khác, nhân dân đã lợi dụng tục "trả đầu" ngày trước Cách mạng Tháng Tám 1945 lập các nhóm nhỏ hoạt động vũ trang để trừng trị bọn ác ôn chỉ điểm, bảo vệ cơ sở cách mạng, "như nhóm anh Lùng, anh Lang ở Trà Bồng; Phó Nía, Vối Quýt ở Sơn Hà, ông Hỏi Chánh Khanh ở Ba Tơ... mang lại cho nhân dân nguồn sinh lực mới, làm cho kẻ thù hoang mang, dao động, không dám khủng bố như trước" (8).

Sự hoang mang lo sợ của địch được thể hiện trong các "Tờ trình" hàng tháng của Tỉnh trưởng Quảng Ngãi cho "Chính phủ Việt Nam Cộng hoà" của Mỹ - Diệm. Hầu như trong tờ trình nào cũng có các phần:

"I. Phần chính trị"

1. "Tình hình Việt Cộng"

2. Tình hình các đảng phái đối lập khác

3. "Tình hình các đoàn thể ta" (tức của Nguỵ Sài Gòn).

Khi nói về *"Hoạt động của đối phương"* các tờ trình đều nói đến miền núi. Ví như *"Tờ trình"* tháng 2 năm 1957 có đoạn viết: "Tại miền núi, chúng tích cực xây dựng lực lượng quân sự, lập mật khu và thường cho những đơn vị vũ trang lần mò về những vùng hẻo lánh để uy hiếp đồng bào Thượng, hăm doạ cán bộ ta, tuyên truyền xuyên tạc và vận động tiếp tế, bắt liên lạc để nắm tình hình ta" (9).

"Tờ trình" tháng 8 năm 1959 (từ 21-7-1959 đến 20-8-1959) tức gần sát ngày khởi nghĩa Trà Bồng, nguỵ quyền Quảng Ngãi cũng nhận thấy.

a) - "Tại miền Thượng

- Tổ chức phá hoại đường giao thông lẻ tẻ ở các nơi xa xôi hẻo lánh

- Dự định thành lập các đội du kích phá rối các vị trí lẻ tẻ của ta để gây hoang mang trong dân chúng.

- Lừa gạt đồng bào ta và tuyên truyền xuyên tạc rằng bộ đội Quốc gia sẽ đi lùng ráp, xúi giục dân chúng bỏ chạy theo chúng.

- Tìm mọi cách khủng bố để ngăn cản đồng bào không cho đi bỏ phiếu" (10).

Ngày 28-8-1959, cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi bùng nổ, thể hiện tinh thần đoàn kết dân tộc, quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ của Đại hội đại biểu nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi họp ở Gò Rô (Trà Phong, Trà Bồng) ngày 7-7-1958. Đây là một cuộc khởi nghĩa lớn đầu tiên sau khi Nghị quyết 15 của Đảng được ban hành và phổ biến trong nhân dân. Khởi nghĩa Trà Bồng có thể xem là pháo hiệu cho phong trào Đồng Khởi của nhân dân miền Nam, được mở đầu ở Bến Tre vào tháng 1-1960, đánh dấu sự thất bại của chiến lược chiến tranh của Mỹ và chuyển sang chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" để rồi

(Xem tiếp trang 11)

địch càn quét, khủng bố, bảo vệ thành quả của cuộc khởi nghĩa, đó là quá trình tìm tòi, vận dụng và phát triển phương thức đấu tranh cách mạng chống Mỹ - Diệm của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi từ 1954 - 1959.

Chủ động, sáng tạo trong quá trình vận dụng Nghị quyết, quan điểm của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương, để đề ra phương thức đấu tranh thích hợp và đưa phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi vượt qua giai đoạn khó khăn nhất (1954 - 1959), đó là một trong những ưu điểm, thành công nổi bật của Tỉnh uỷ Quảng Ngãi. Đó cũng còn là một trong những bài học không những có giá trị trong quá khứ, mà còn rất bổ ích đối với Tỉnh uỷ Quảng Ngãi trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay.

Tháng 8 năm 2004

CHÚ THÍCH

(1). Tạp chí *Cờ Hồng*, Nxb. Giải Phóng, Quảng Ngãi, 10-1968, tr. 15.

(2). *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*. Tập I, Nxb. Sự Thật, 1990, tr. 51-52.

(3), (6), (8), (10). *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*. Sđd, tr. 52, 63, 66, 68.

(4), (7), (9). *Tìm hiểu phong trào đồng khởi ở miền Nam Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, 1980, tr. 154-155, 169, 172-173.

(5). Theo báo cáo về Đại hội Gò Rô ngày 7-7-1958. Tài liệu lưu trữ của Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng và Bảo tàng Quảng Ngãi.

CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG TRONG TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC, CÁCH MẠNG...

(Tiếp theo trang 55)

cùng thất bại và cuối cùng nhân dân ta đã thực hiện lời dạy của Bác Hồ "đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguỵ nhào".

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đi vào lịch sử tỉnh nhà, lịch sử dân tộc như một mốc quan trọng thể hiện truyền thống dân tộc, truyền thống địa phương, được phát huy cao độ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tinh thần quật khởi của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng 45 năm trước đang sống trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương, Tổ quốc. Nhiều "chiến thắng Trà Bồng" đang chờ đợi nhân dân Quảng Ngãi hôm nay!

CHÚ THÍCH

(1), (2). Uỷ ban Khoa học xã hội Việt Nam. *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 331, 333.

(3). Ban Chấp hành Đảng bộ Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999, tr. 144.

(4). Nguyễn Cư Trinh: *Truyện Sãi Vải*. Trích theo Nguyễn Phan Quang: *Phong trào nông dân Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1986, tr. 233.

(5), (8). Ban Chấp hành Đảng bộ Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, sđd, tr. 144, 150.

(6), (7). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng*, Toàn tập, tập 15, 1954, Nxb. Chính trị Quốc gia, sđd, tr. 144, 282.

(9). Tài liệu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 2, Kí hiệu Đ.I.CH - 103.

(10). Tài liệu dẫn trên, ký hiệu D.I. CH, 283.